

Số: 15/2020/QĐST-DS

ĐP, ngày 14 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 29/2020/TLST- DS ngày 11 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP DNA (SeABank); Địa chỉ trụ sở: Số 25 Trần Hưng Đạo, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đình Kh, chức vụ: Phó Tổng Giám đốc (Giấy ủy quyền số 359/2018/UQ-SeABank ngày 20/4/2018)

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Văn T1, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ. (Giấy ủy quyền số 4426/2019/UQ-SeABank ngày 04/4/2019).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1974 và bà Mai Thị Thu H1, sinh năm 1975; Cùng địa chỉ: Căn hộ chung cư số 2105 tòa nhà CT1B- Khu đô thị mới Tân Tây Đô, xã L, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau

2.1. Ông Nguyễn Trọng Đ và bà Mai Thị Thu H1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP ĐNA số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng từng lần số RFE1822600243/HĐTD/LONGBIEN-NTD ngày 16/8/2018, tạm tính đến ngày 03/9/2020 là: 233.390.262 đồng (hai trăm ba mươi ba triệu ba trăm chín mươi nghìn hai trăm sáu mươi hai đồng); trong đó: Nợ gốc: 187.699.996 đồng; Nợ lãi trong hạn: 36.070.913 đồng; Nợ lãi quá hạn: 9.619.353 đồng.

2.2. Kể từ ngày 04/9/2020, ông Nguyễn Trọng Đ và bà Mai Thị Thu H1 phải tiếp tục chịu các khoản lãi tính trên số tiền nợ gốc theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng từng lần số RFE1822600243/HĐTD/LONGBIEN-NTD ngày 16/8/2018, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ nêu trên (*Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay*).

2.3. Kể từ ngày có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu ông Nguyễn Trọng Đ và bà Mai Thị Thu H1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh theo đúng cam kết thì Ngân hàng TMCP ĐNA có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Tài sản bảo đảm là: Toàn bộ Quyền sở hữu căn hộ chung cư số 2105 toà nhà CT1B- Khu đô thị mới Tân Tây Đô, xã L, huyện ĐP, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 231946, số vào sổ cấp GCN: CS 17136 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố Hà Nội cấp ngày 14/7/2015 đứng tên ông Nguyễn Trọng Đ và bà Mai Thị Thu H1.

Trong trường hợp nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP ĐNA thì ông Nguyễn Trọng Đ và bà Mai Thị Thu H1 vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP ĐNA cho đến khi tất toán toàn bộ các khoản vay.

2.4. Về án phí: Ông Nguyễn Trọng Đ và bà Mai Thị Thu H1 tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 5.835.000 đồng (Năm triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP ĐNA số tiền tạm ứng án phí 6.200.000 đồng (Sáu triệu hai trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐP, Thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014405 ngày 11/5/2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện ĐP,
Thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện ĐP,
Thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hà